

KẾ HOẠCH

GIẢNG DẠY CÁC LỚP KHỐI 10, 11 HỆ 9+ GDTX CẤP THPT LIÊN KẾT VỚI TRƯỜNG TRUNG CẤP CÔNG NGHỆ THĂNG LONG

Năm học 2025 -2026

Căn cứ Quyết định số 3364/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển giao các Trung tâm GDNN – GDTX thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã về thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ công văn số 2258/BGDĐT-GDCN, ngày 05/4/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phối hợp giữa cơ sở đào tạo TCCN với trung tâm GDTX trong tổ chức, đào tạo TCCN;

Căn cứ Kế hoạch số 219/KH-UBND, ngày 04/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc triển khai Đề án “Giáo dục nghề nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025” của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-BGDĐT ngày 20/08/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025-2026 của ngành Giáo dục; Quyết định số 4400/QĐ-UBND ngày 26/08/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội; Căn cứ hướng dẫn số 3603/SGDDĐT-GDCTXNNĐH ngày 10/09/2025 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với GDTX Hà Nội;

Căn cứ hợp đồng số /HDDT ký ngày / /2025 về việc liên kết đào tạo văn hóa hệ GDTX cấp THPT giữa Trường Trung cấp Công nghệ Thăng Long và Trung tâm GDNN - GDTX Hoài Đức;

Căn cứ Kế hoạch số 20/KH-GDNN-GDCTX ngày 12/09/2025 về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 của Trung tâm GDNN - GDTX Hoài Đức, Trung tâm GDNN - GDTX Hoài Đức xây dựng kế hoạch giảng dạy các lớp khối 10, 11 hệ 9+ GDTX cấp THPT liên kết với Trường Trung cấp Công nghệ Thăng Long như sau:

I. Mục đích:

Thực hiện chương trình đào tạo liên kết giảng dạy 03 lớp 10 và 06 lớp 11 hệ 9+ GDTX cấp THPT với Trường Trung cấp Công nghệ Thăng Long đúng, đủ chương trình và khung thời gian năm học; đảm bảo chất lượng giáo dục 2 mặt; duy trì sĩ số học sinh, giảm thiểu số lượng học sinh bỏ học.



II. Nội dung:

1. Số lớp:

- Khối 10: 03 lớp ; 136 học sinh.

- Khối 11: 04 lớp; 163 học sinh

Địa điểm học: Trường Trung cấp Công nghệ Thăng Long, số 1 – phố Kiều Mai – P. Xuân Phương – TP. Hà Nội.

2. Chương trình và môn học:

- Chương trình : thực hiện giáo dục đầy đủ theo chương trình GDTX cấp THPT theo đúng các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT

- Môn học: HS lựa chọn các môn trong chương trình GDTX cấp THPT do Bộ GD&ĐT quy định gồm: Ngữ Văn, Toán, Vật Lý, Hoá, Sinh, Tin, KT-PL, Lịch Sử, Địa Lý, Công nghệ, hoạt động Giáo dục TN-HN

+ Khối 10: 03 lớp lựa chọn tổ hợp các môn học là Văn, Toán, Sử, Địa, Vật Lý, Công nghệ NN, KT-PL và hoạt động giáo dục TN-HN.

+ Khối 11:

04 lớp lựa chọn tổ hợp các môn học là Văn, Toán, Sử, Địa, Tin, Công nghệ NN, KT-PL và hoạt động giáo dục TN-HN.

02 lớp lựa chọn tổ hợp các môn học là Văn, Toán, Sử, Địa, Vật Lý, Sinh, Tin và hoạt động giáo dục TN-HN.

3. Thời gian học:

- Trong tuần: học 05 buổi trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7.

- Trong năm học: Thực hiện 35 tuần thực học.

Trung tâm GDNN-GDTX Hoài Đức thực hiện theo đúng Quyết định số 4400/QĐ-UBND ngày 26/08/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội:

HỌC KÌ I (Đảm bảo thực hiện 18 tuần thực học)			HỌC KÌ II (Đảm bảo thực hiện 17 tuần thực học)		Ngày kết thúc năm học
Ngày bắt đầu HKI	Ngày kết thúc HKI	Nghi HKI	Ngày bắt đầu HKII	Ngày kết thúc HKII	
05/9/2025 (Thứ Sáu)	16/01/2026 (Thứ Sáu)	17/01/2026 (Thứ Bảy)	19/01/2026 (Thứ Hai)	29/5/2026 (Thứ Sáu)	30/5/2026 (Thứ Bảy)

Các ngày nghỉ lễ, tết trong năm học thực hiện theo quy định của Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn hàng năm. Nếu có thời gian chịu ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh hay các diễn biến bất thường sẽ có kế hoạch bổ sung theo hướng dẫn của cấp trên.

Phương án minh họa

• Khối 11

+ Học kỳ I:

Tuần	Ngày, tháng	Các môn giảng dạy (Số tiết)							
		Văn (CB)	Toán	CN NN	Tin	KT-PL	Sử (CB)	Địa (CB)	TN-HN
1	Từ 8/9 đến 14/9/2025	1->4	1->3	1->2	1->2	1->2	1->2	1->3	1->3
2	Từ 15/9 đến 21/9	5->8	4->6	3->4	3->4	3->4	3->4	4->6	4->6
3	Từ 22/9 đến 28/9	9->12	7->9	5->6	5->6	5->6	5->6	7->9	7->9
4	Từ 29/9 đến 5/10	13->16	10->12	7->8	7->8	7->8	7->8	10->12	10->12
5	Từ 6/10 đến 12/10	17->20	13->15	9->10	9->10	9->10	9->10	13->15	13->15
6	Từ 13/10 đến 19/10	21->24	16->18	11->12	11->12	11->12	11->12	16->18	16->18
7	Từ 20/10 đến 26/10	25->28	19->21	13->14	13->14	13->14	13->14	19->21	19->21
8	Từ 27/10 đến 2/11	29->32	22->24	15->16	15->16	15->16	15->16	22->24	22->24
9	Từ 3/11 đến 9/11	33->36	25->27	17->18	17->18	17->18	17->18	25->27	25->27
10	Từ 10/11 đến 16/11	37->40	28->30	19->20	19->20	19->20	19->20	28->30	28->30
11	Từ 17/11 đến 23/11	41->44	31->33	21->22	21->22	21->22	21->22	31->33	31->33
12	Từ 24/11 đến 30/11	45->48	34->36	23->24	23->24	23->24	23->24	34->36	34->36
13	Từ 1/12 đến 7/12	49->52	37->39	25->26	25->26	25->26	25->26	37->39	37->39
14	Từ 8/12 đến 14/12	53->56	40->42	27->28	27->28	27->28	27->28	40->42	40->42
15	Từ 15/12 đến 21/12	57->60	43->45	29->30	29->30	29->30	29->30	43->45	43->45
16	Từ 22/12 đến 28/12	61->64	46->48	31->32	31->32	31->32	31->32	46->48	46->48
17	Từ 29/12/2025	65->68	49->51	33->34	33->34	33->34	33->34	49->51	49->51

	đến 4/1/2026								
18	Từ 5/1/2026 đến 11/1/2026	69->72	52->54	35->36	35->36	35->36	35->36	52->54	52->54
19	Từ 12 /1 đến 18/1/2026	Bù Chương trình nêu thiếu do lịch nghỉ các công việc đột xuất của 2 trường							

Nghi HKI: 17/01/2026

+ Học kỳ II:

Tuần	Ngày, tháng	Các môn giảng dạy (Số tiết)							
		Văn (CĐ)	Toán	Lý	Tin	KT-PL	Sử (CĐ)	Địa (CĐ)	TNHN
1	Từ 19/1/2026 đến 25/1/2026	73->76	55->57	37->38	37->38	37->38	37->39	55->57	55->57
2	Từ 26/1 đến 1/2	77->80	58->60	39->40	39->40	39->40	40->42	58->60	58->60
3	Từ 2/2 đến 8/2	81->84	61->63	41->42	41->42	41->42	43->45	61->63	61->63
4	Từ 9/2 đến 15/2	85->88	64->66	43->44	43->44	43->44	46->48	64->66	64->66
5	Từ 16/2 đến 22/2	Nghỉ tết nguyên đán							
6	Từ 23/2 đến 1/3	89->92	67->69	45->46	45->46	45->46	49-51	67->69	67->69
7	Từ 2/3 đến 8/3	93->96	70->72	47->48	47->48	47->48	52-54	70->72	70->72
8	Từ 9/3 đến 15/3	97->100	73->75	49->50	49->50	49->50	55-57	73->75	73->75
9	Từ 16/3 đến 22/3	101->104	76->78	51->52	51->52	51->52	58-60	76->78	76->78
10	Từ 23/3 đến 29/3	105->108	79->81	53->54	53->54	53->54	61-63	79->81	79->81
11	Từ 30/3 đến 5/4	109->112	82->84	55->56	55->56	55->56	64-66	82->84	82->84
12	Từ 6/4 đến 12/4	113->116	85->87	57->58	57->58	57->58	67-69	85->87	85->87
13	Từ 13/4 đến 19/4	117->120	88->90	59->60	59->60	59->60	70-72	88->90	88->90

	23/11									
12	Từ 24/11 đến 30/11	45->48	45->48	23->24	23->24	23->24	23->24	23->24	34->36	
13	Từ 1/12 đến 7/12	49->52	49->52	25->26	25->26	25->26	25->26	25->26	37->39	
14	Từ 8/12 đến 14/12	53->56	53->56	27->28	27->28	27->28	27->28	27->28	40->42	
15	Từ 15/12 đến 21/12	57->60	57->60	29->30	29->30	29->30	29->30	29->30	43->45	
16	Từ 22/12 đến 28/12	61->64	61->64	31->32	31->32	31->32	31->32	31->32	46->48	
17	Từ 29/12/2025 đến 4/1/2026	65->68	65->68	33->34	33->34	33->34	33->34	33->34	49->51	
18	Từ 5/1/2026 đến 11/1/2026	69->72	69->72	35->36	35->36	35->36	35->36	35->36	52->54	
19	Từ 12 /1 đến 18/1/2026	Bù Chương trình nếu thiếu do lịch nghỉ các công việc đột xuất của 2 trường								

Nghi HKI: 17/01/2026

+ Học kỳ II:

Tuần	Ngày, tháng	Các môn giảng dạy (Số tiết)							
		Văn (CB)	Toán (CB)	Lý	Tin	KT-PL	Sử (CB)	Địa	TNHN
1	Từ 19/1/2026 đến 25/1/2026	55->57	55->57	37->38	37->38	37->38	37->39	37->38	55->57
2	Từ 26/1 đến 1/2	58->60	58->60	39->40	39->40	39->40	40->42	39->40	58->60
3	Từ 2/2 đến 8/2	61->63	61->63	41->42	41->42	41->42	43->45	41->42	61->63
4	Từ 9/2 đến 15/2	64->66	64->66	43->44	43->44	43->44	46->48	43->44	64->66
5	Từ 16/2 đến 22/2	Nghỉ tết nguyên đán							
6	Từ 23/2 đến 1/3	89->92	89->92	45->46	45->46	45->46	49-51	45->46	67->69
7	Từ 2/3 đến 8/3	93->96	93->96	47->48	47->48	47->48	52-54	47->48	70->72
8	Từ 9/3 đến	97->	97->	49->50	49->50	49->50	55-57	49->50	73->75

	15/3	100	100							
9	Từ 16/3 đến 22/3	101-> 104	101-> 104	51->52	51->52	51->52	58-60	51->52	76->78	
10	Từ 23/3 đến 29/3	105-> 108	105-> 108	53->54	53->54	53->54	61-63	53->54	79->81	
11	Từ 30/3 đến 5/4	109-> 112	109-> 112	55->56	55->56	55->56	64-66	55->56	82->84	
12	Từ 6/4 đến 12/4	113-> 116	113-> 116	57->58	57->58	57->58	67-69	57->58	85->87	
13	Từ 13/4 đến 19/4	117-> 120	117-> 120	59->60	59->60	59->60	70-72	59->60	88->90	
14	Từ 20/4 đến 26/4	121-> 124	121-> 124	61->62	61->62	61->62	73-75	61->62	91->93	
15	Từ 27/4 đến 3/5	125-> 128	125-> 128	63->64	63->64	63->64	76-78	63->64	94->96	
16	Từ 4/5 đến 10/5	129-> 132	129-> 132	65->66	65->66	65->66	79-81	65->66	97->99	
17	Từ 11/5 đến 17/5	133-> 136	133-> 136	67->68	67->68	67->68	82-84	67->68	100->102	
18	Từ 18/5 đến 24/5	137-> 140	137-> 140	69->70	69->70	69->70	85-87	69->70	103->105	
19	Từ 25/5 đến 31/5	Bù Chương trình nếu thiếu do lịch nghỉ các công việc đột xuất của 2 trường								

4. Quản lý điểm và quản lý học sinh trên phần mềm:

Được thực hiện bởi Trung tâm GDNN - GDTX Hoài Đức theo đúng quy định của Sở GD&ĐT Hà Nội. Bộ phận quản trị sẽ kiểm tra tiến độ vào điểm định kì hàng tháng và nhắc nhở thường xuyên để GVBM vào điểm đúng tiến độ (đánh giá cuối kì có thể sẽ được điều chỉnh lùi sau khoảng 1 tuần so với các lớp của Trung tâm để đảm bảo cho giáo viên vào điểm kịp thời, hợp lý).

5. Quản lý chung và quản lý học sinh:

- Trung tâm GDNN - GDTX Hoài Đức phân công cụ thể lãnh đạo, cán bộ, giáo viên phối hợp với Trường Trung cấp Công nghệ Thăng Long quản lý và giảng dạy các lớp; kịp thời giải quyết các vướng mắc, khó khăn, các tình huống phát sinh đảm bảo điều kiện dạy và học (có danh sách phân công kèm theo).

- GVCN và GVBM trực tiếp quản lý học sinh lớp chủ nhiệm và các giờ học. Trung tâm GDNN - GDTX Hoài Đức phân 01 đ/c làm công tác giám thị trực học sinh các buổi trong tuần, Trường Trung cấp Công nghệ Thăng Long phân công 01 đ/c trực cùng các buổi trong tuần.

III. Tổ chức thực hiện

- Bộ phận chuyên môn GDTX xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, chi tiết; phân công nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch tự kiểm tra.... Phối hợp với trường liên kết thống nhất các phương án lựa chọn môn học, lựa chọn SGK phù hợp với điều kiện thực tế của 2 đơn vị.

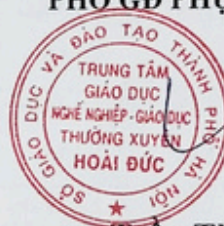
- Phòng Đào tạo Trường Trung cấp Công nghệ Thăng Long, Tổ Giáo vụ của Trung tâm GDNN-GDTX Hoài Đức kết hợp lên TKB, theo dõi việc thực hiện TKB và chương trình giảng dạy.

- GV và các bộ phận được phân công bổ sung kế hoạch cá nhân, thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch chung.

Nơi nhận:

- Phòng GDTX, GDNN, ĐH Sờ GD&ĐT Hà Nội (để BC)
- Trường TCCNTL (để phối hợp)
- Tổ GDTX, Giáo vụ, HC-TH (để thực hiện)
- Lưu VT

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GD PHỤ TRÁCH GDTX



Trần Thị Hải Yến

